

DÂN TỘC HỌC XÔ-VIỆT VÀ NHỮNG DẤU ẤN TRONG NGHIÊN CỨU, ĐÀO TẠO Ở VIỆN DÂN TỘC HỌC

TS. Trần Văn Hà
TS. Nguyễn Thị Thanh Bình
Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Kỷ niệm 50 năm thành lập Viện Dân tộc học (1968 - 2018), các tác giả bài viết muốn cùng bạn đọc nhìn lại di sản Dân tộc học Xô-viết qua những dấu ấn sâu đậm cả trên phương diện học thuật và đào tạo nguồn nhân lực đối với Viện Dân tộc học. Đồng thời, khẳng định giá trị khoa học và kinh nghiệm của Dân tộc học Xô-viết đối với Dân tộc học Việt Nam về nghiên cứu cơ bản và ứng dụng thời gian qua. Ngày nay trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập, các thể hệ nghiên cứu của Viện khi tiếp cận với Nhân học cũng cần nhận thấy rằng, di sản Dân tộc học Xô-viết là một phần quan trọng trong 50 năm xây dựng và phát triển Viện Dân tộc học.

Từ khóa: Di sản Dân tộc học Xô-viết, Dân tộc học Việt Nam, Viện Dân tộc học.

Ngày nhận bài: 21/6/2018; ngày gửi phản biện: 5/11/2018; ngày duyệt đăng: 16/2/2019

1. Mở đầu

Trải qua 50 năm (1968 - 2018) xây dựng và phát triển, các thể hệ nghiên cứu, tham gia đào tạo và phổ biến kiến thức dân tộc học của Viện Dân tộc học đã có vị thế xứng đáng trong nền Dân tộc học nước nhà. Trên cơ sở kế thừa và cập nhật giá trị học thuật của Dân tộc học/Nhân học và khoa học liên ngành trên thế giới, qua các giai đoạn lịch sử phát triển của đất nước, dù ngắn hay dài, những người từng công tác ở Viện Dân tộc học đã để lại một di sản khoa học đáng ghi nhận. Đặc biệt, phải kể đến thế hệ đi trước có một thời được đào tạo, hợp tác và tiếp thu những giá trị học thuật của nền Dân tộc học Xô-viết để góp phần dựng xây, phát triển Viện Dân tộc học nói riêng và nền Dân tộc học nước nhà.

Chính vì vậy, việc nhìn nhận những thành quả của các thế hệ nghiên cứu dân tộc học ở Viện Dân tộc học, trong đó có sự tiếp nhận giá trị Dân tộc học Xô-viết là hết sức có ý nghĩa, không chỉ ở việc nhận thức khách quan về giá trị khoa học của nhân loại đã xuất hiện với những ảnh hưởng của nó trên thực tiễn sau Chiến tranh Thế giới thứ Hai, mà còn hàm ý nhận diện và chia sẻ với các thế hệ nghiên cứu dân tộc học/nhân học tiếp sau trong quá trình tạo dựng hành trang khoa học của mình.

2. Từ những người được học tập, thực tập, nghiên cứu ở Liên Xô (cũ)

Đội ngũ cán bộ nghiên cứu của Viện Dân tộc học trong 30 năm (từ năm 1960 đến năm 1990), chủ yếu là cán bộ, sinh viên được đào tạo tại các viện, các trường đại học có chuyên ngành Dân tộc học, thuộc Khoa học lịch sử. Nguồn nhân lực này gồm 21 người, trong đó có 3 nữ, mỗi người có 6 năm học tập, làm luận án tại Đại học Tổng hợp Matxcova và Viện Dân tộc học, thuộc Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô. Số lượng cán bộ Viện Dân tộc học được đào tạo về Dân tộc học tại Liên Xô thời gian này xấp xỉ 50% biên chế của Viện Dân tộc học và chiếm 2/3 tổng số các nhà dân tộc học Việt Nam được đào tạo tại đây. Ngoài những thực tập sinh, cán bộ, sinh viên được học tập và đào tạo, còn phải kể đến 8 cán bộ nghiên cứu, tư liệu, thư viện khi đó có ít nhất 1 lần đến Viện Dân tộc học Liên Xô học tập kinh nghiệm, xây dựng kho tư liệu, thư viện¹ (xem Bảng 1).

*Bảng 1. Danh sách cán bộ của Viện Dân tộc học
đã học tập và nghiên cứu tại Liên Xô giai đoạn 1960 - 1990*

STT	Họ và tên	Thời gian học tập/nghiên cứu	Ghi chú
1	CN. Lê Thị Ngọc Ái	Cử nhân năm 1962	Công tác tại Viện Dân tộc học giai đoạn 1968 - 1975
2	TS. Đỗ Thúy Bình	Cử nhân năm 1974, bảo vệ luận án Phó Tiến sĩ năm 1989	Công tác tại Viện Dân tộc học giai đoạn 1974 - 1992
3	CN. Nguyễn Trúc Bình	Cử nhân năm 1966	Công tác tại Viện Dân tộc học giai đoạn 1966 - 1975
4	TS. Trần Mạnh Cát	Cử nhân năm 1972, bảo vệ luận án Phó Tiến sĩ năm 1989	Công tác tại Viện Dân tộc học giai đoạn 1972 - 1991
5	TS. Ngô Thị Chính	Cử nhân năm 1974, bảo vệ luận án Phó Tiến sĩ năm 1984	Nay đã nghỉ hưu
6	TS. Trần Tất Chùng	Cử nhân năm 1986	Công tác tại Viện Dân tộc học giai đoạn 1987 - 1997. Nay đã mất.
7	PGS. TS. Khổng Diễn	Bảo vệ luận án Phó Tiến sĩ năm 1987	Nguyên Viện trưởng giai đoạn 1995 - 2005. Nay đã nghỉ hưu.
8	GS. TS. Bế Viết Đăng	Bảo vệ luận án Phó Tiến sĩ năm 1964	Nguyên Phó Viện trưởng phụ trách 1973 -

¹ PGS. Nguyễn Từ Chi, PGS. TS. Nguyễn Khắc Tụng, PGS. TS. Diệp Đình Hoa, CN. Cẩm Trọng, CN. Trịnh Chí, CN. Nguyễn Thiệu Mai, CN. Lục Văn Páo và CN. Trương Thu.

			1977; Nguyên Quyền Viện trưởng giai đoạn 1983 - 1987; Nguyên Viện trưởng giai đoạn 1988 - 1995. Nay đã mất.
9	PGS. TS. Mạc Đường	Bảo vệ luận án Phó Tiến sĩ năm 1970	Công tác tại Viện Dân tộc học giai đoạn 1968 - 1976
10	PGS. TS. Diệp Đình Hoa	Tốt nghiệp Đại học Bắc Kinh năm 1956; Bảo vệ luận án Phó Tiến sĩ tại Liên Xô năm 1966	Công tác tại Viện Dân tộc học từ năm 1981. Nay đã mất.
11	TS. Vũ Đình Lợi	Thực tập sinh	Nay đã mất
12	PGS. TS. Phạm Quang Hoan	Cử nhân năm 1974; bảo vệ luận án Phó Tiến sĩ năm 1983	Nguyên Viện trưởng giai đoạn 2006 - 2011. Nay đã nghỉ hưu.
13	TS. Lý Hành Sơn	Cử nhân năm 1988	Đang công tác tại Viện Dân tộc học
14	GS. TS. Ngô Đức Thịnh	Bảo vệ luận án Phó Tiến sĩ năm 1980	Công tác tại Viện Dân tộc học giai đoạn 1972 - 1989
15	TS. La Công Ý	Bảo vệ luận án Phó Tiến sĩ năm 1990	Công tác tại Viện Dân tộc học giai đoạn 1974 - 1995
16	PGS. TS. Bùi Minh Đạo	Thực tập sinh	Đang công tác tại Viện Dân tộc học
17	TS. Lưu Hùng	Thực tập sinh	Công tác tại Viện Dân tộc học giai đoạn 1976 - 1995. Nay đã nghỉ hưu.
18	PGS. TS. Nguyễn Văn Huy	Thực tập sinh	Công tác tại Viện Dân tộc học giai đoạn 1968 - 1991; Nguyên Phó Viện trưởng giai đoạn 1983 - 1995. Nay đã nghỉ hưu.
19	PGS. TS. Bùi Xuân Đính	Thực tập sinh	Đang công tác tại Viện Dân tộc học
20	GS. Đặng Nghiêm Vạn	Thực tập sau đại học giai đoạn 1958 - 1962	Công tác tại Viện Dân tộc học giai đoạn 1967 - 1991; Nguyên Phó Viện trưởng giai đoạn 1980 - 1990. Nay đã mất.
21	CN. Nguyễn Nam Tiến	Sinh viên từ năm 1961 đến năm 1963 (Ông phải	Công tác tại Viện Dân tộc học giai đoạn 1968 -

	về nước vì thời kỳ chủ nghĩa xét lại ở Liên Xô, không đào tạo sinh viên, thực tập sinh các nước)	1980. Mất năm 2018.
--	--	---------------------

Tiếp cận với Dân tộc học Xô-viết không chỉ những người đã sống, học tập và trau dồi kiến thức tại Liên Xô, mà còn có những cán bộ của Viện tuy chưa có cơ hội một lần đến với “đất nước của Lê-nin”, nhưng được học tập, chủ động tìm tòi lý thuyết, phương pháp, tri thức tại các nước xã hội chủ nghĩa và ở trong nước để áp dụng thành quả học thuật trong nghiên cứu và phục vụ nghiên cứu.

Trải qua 50 năm, hầu hết nhân lực nghiên cứu dân tộc học của Việt Nam được đào tạo ở Liên Xô (cũ) đã được thu hút về làm việc ở Viện Dân tộc học. Đội ngũ này đã có những công trình rất đáng ghi nhận đối với Dân tộc học nước nhà. Từ những nhiệm vụ được Trung ương Đảng “đặt hàng” xây dựng luận chứng khoa học cho đến quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc, giúp Ban soạn thảo văn kiện Đại Hội Đảng VI, VII; những kiến nghị về lý luận và thực tiễn cho việc xây dựng chính sách dân tộc qua các thời kỳ theo chỉ đạo của Ban Bí thư và Chính phủ, còn có những công trình khoa học để đời, như *Bản Danh mục các thành phần dân tộc ở Việt Nam* năm 1979; *Các dân tộc ít người ở Việt Nam* (2 tập, gồm các tỉnh phía Bắc và phía Nam)... là những di sản trí tuệ chủ yếu của các nhà nghiên cứu của Viện Dân tộc học được đào tạo và trau dồi kiến thức của Dân tộc học Xô-viết.

Trong số 21 trí thức được đào tạo ở Liên Xô như đã nêu ở Bảng 1, đa số được bổ nhiệm, xây dựng thế hệ đội ngũ lãnh đạo quản lý từ cấp Trưởng phòng, Giám đốc Trung tâm của Viện Dân tộc học. Suốt 38 năm, từ năm 1973 khi GS. TS. Bế Viết Đăng là Phó Viện trưởng phụ trách và Viện trưởng cho đến Viện trưởng năm 2011, đều là những người được đào tạo ở Liên Xô, có bề dày học thuật và ảnh hưởng của Dân tộc học Xô-viết. Cũng từ cái nôi của Viện Dân tộc học, những cán bộ được đào tạo tại Liên Xô đã cung cấp nguồn lực lãnh đạo, quản lý cấp vụ, viện cho các cơ quan khác thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam như Viện Nghiên cứu Tôn giáo (GS. Đặng Nghiêm Vạn), Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam (PGS. TS. Nguyễn Văn Huy, TS. Lưu Hùng), Viện Nghiên cứu Văn hóa (GS. TS. Ngô Đức Thịnh), Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới (TS. Đỗ Thị Thủy Bình), Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ (PGS. TS. Mạc Đường), Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ (PGS. TS. Khổng Diễn), Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên (PGS. TS. Bùi Văn Đạo).

3. Đến các cuộc trao đổi học thuật và hợp tác điều tra, nghiên cứu

Bên cạnh nguồn sinh viên, thực tập sinh, nghiên cứu sinh đến Liên Xô đào tạo, còn có các đợt trao đổi khoa học của Viện Dân tộc học Việt Nam đến với Viện Dân tộc học Liên Xô. Nhiều lượt đoàn cán bộ trao đổi học thuật hoặc xử lý tài liệu điều tra xã hội học tộc người đều thuộc khuôn khổ đề tài hợp tác với nguồn kinh phí hàng năm do phía bạn chi trả. Gần 30 năm, ngoài 8 đoàn cán bộ, mỗi năm còn có 3 người thuộc đoàn lãnh đạo Viện

Dân tộc học đến Viện Dân tộc học Liên Xô làm việc trong khuôn khổ đề tài hợp tác Việt - Xô (1986 - 1990) về “*Các quá trình tộc người và các quá trình văn hóa - xã hội ở Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”; nhiều nhất là về điều tra xã hội học tộc người đối với 6 dân tộc ở 4 vùng của Việt Nam thuộc đề tài “*Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ*”.

Về phía bạn, hàng năm cũng có các học giả đến trình bày học thuật tại Viện Dân tộc học và tiến hành nghiên cứu ở Việt Nam. Đầu những năm 1970, các đoàn vào chủ yếu từ Liên Xô đến Viện Dân tộc học để trao đổi học thuật và phương pháp điền dã dân tộc học. Trong đó, GS. S. I. Brouk, Phó Viện trưởng Viện Dân tộc học Liên Xô đã đến làm việc với Viện Dân tộc học, thuyết trình bài giảng về Dân tộc học Xô-viết và các phương pháp nghiên cứu. Liên quan đến các xu hướng nghiên cứu mới trong Dân tộc học Xô-viết là xã hội học tộc người, địa lý học tộc người, dân số học tộc người và tâm lý học tộc người. Tiếp theo là các bài trình bày khoa học về lý thuyết và quan hệ dân tộc ở Liên Xô của GS. Culichenco năm 1981.

Việc trao đổi hợp tác khoa học không chỉ dừng lại ở thuyết giảng các cơ sở lý thuyết, lý luận, quan điểm về Dân tộc học Mác-xít và các phương pháp định tính, định lượng, xu hướng cũng như kết quả của nền Dân tộc học Xô-viết của các chuyên gia đến từ Viện Dân tộc học và Trường đảng Liên Xô, mà còn có những cuộc điều tra, nghiên cứu và điền dã dân tộc học đến các vùng dân tộc thiểu số của Việt Nam.

Trong số đó, không ít các cuộc điền dã dân tộc học được tiến hành bởi nữ cử nhân sử học quen thuộc với giới Sử học, Dân tộc học Việt Nam mà mọi người quen gọi là chị Tônhiã. Do sử dụng thành thạo tiếng Việt nên chị Tônhiã đã có các chuyến điền dã thực chất ở các làng quê người Việt, người Mường vùng đồng bằng sông Hồng và vùng Trung du Bắc Bộ cùng một số cán bộ Viện Dân tộc học (như Đỗ Thị Thúy Bình, Vũ Thị Hồng) ở. Một số bài nghiên cứu của chị cũng như của TS. M. V. Criucốp được đăng tải trên tạp chí Dân tộc học Xô-viết trong thời gian này.

Đề tài hợp tác nghiên cứu lớn nhất giữa Viện Dân tộc học Liên Xô và Viện Dân tộc học Việt Nam (1986 - 1990) là “*Các quá trình tộc người và các quá trình văn hóa - xã hội ở Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”. Khởi đầu bằng những chuyến đi sang Liên Xô của Viện trưởng Bé Viết Đăng và Phó Viện trưởng Nguyễn Văn Huy trong 10 ngày vào tháng 3 năm 1979, khi quân xâm lược Trung Quốc mới vừa rút khỏi vùng biên giới phía Bắc. Đề tài hợp tác này bao gồm: nghiên cứu về tổ chức xã hội và các quá trình tộc người hiện nay ở miền Nam Việt Nam (phía Liên Xô do TS. M. V. Criucốp, Trưởng ban Ban dân tộc học về các dân tộc châu Á ngoài Liên Xô, châu Úc và châu Đại Dương lãnh đạo); nghiên cứu về xã hội học tộc người do TS. M. N. Guboglo lãnh đạo. Phía Việt Nam, nghiên cứu về Dân tộc học do GS. Đặng Nghiêm Vạn và PGS. TS. Mạc Đường lãnh đạo; phần nghiên cứu xã hội học do Phó Viện trưởng, Trưởng phòng Phòng xã hội học tộc

người là PTS. Nguyễn Văn Huy lãnh đạo. Kinh phí đề tài do phía Liên Xô tài trợ (riêng cán bộ Viện Dân tộc học Việt Nam đi điền dã trong nước tự chịu phí tổn).

Thực hiện hợp tác, phía Liên Xô có những đợt nghiên cứu và điền dã dân tộc học của TS. Criucốp ở các tộc người vùng Trường Sơn - Tây Nguyên không chỉ với tư cách một nhà nghiên cứu lớn mà còn là người thầy của các nghiên cứu sinh của Viện Dân tộc học Việt Nam. Đi theo học nghề kiêm phiên dịch cho ông là Trần Tất Chung - một cán bộ của Viện, từng là cử nhân sử học ở Liên Xô. Sau các đợt điền dã dân tộc học, TS. M. V. Criucốp đều có bài trình bày khoa học về kết quả nghiên cứu với cán bộ Viện Dân tộc học. Bài giảng của ông luôn có sức hút và thuyết phục lớn đối với tất cả cán bộ Viện thời đó. Từ góc nhìn của mối quan hệ chặt chẽ về hệ thống thân tộc và mối quan hệ xã hội, văn hóa của tộc người được khảo sát, ông nêu ý kiến rằng: có thể coi như một chiều cạnh xem xét phân loại thành phần dân tộc ở Việt Nam.

Về phần nghiên cứu, điều tra xã hội học, phía Liên Xô do TS. M. N. Guboglo lãnh đạo và hai cán bộ mỗi năm có thời gian hai tháng ở Việt Nam trực tiếp làm việc, thực hiện điền dã với cán bộ Phòng Xã hội học tộc người. Nhờ có sự hợp tác này mà những cán bộ của Phòng Xã hội học tộc người được đào luyện cả về lý thuyết và thực hành chuyên môn nghiên cứu xã hội học. Thông qua các công việc “bếp núc” của Xã hội học² như lý thuyết và phương pháp soạn thảo phiếu điều tra, chọn mẫu và tổ chức điều tra phiếu, cách thức phỏng vấn và ghi chép, điền phiếu, kiểm tra và làm sạch phiếu tại thực địa, mã hóa câu hỏi mở cho phần mềm xử lý Foxbro... đã được TS. V. X. Kondrachiev - chuyên gia Toán tin học và TS. V. Samxurov trực tiếp hướng dẫn một cách bài bản, thiết thực, cụ thể và nghiêm túc. Đặc biệt là, việc đánh giá, phân tích cơ sở dữ liệu và kết hợp xử lý các vấn đề liên quan đến gia đình và các quan hệ gia đình, cơ cấu xã hội, đời sống văn hóa và các quan hệ dân tộc, ý thức tộc người, sự phát triển ngôn ngữ ở các dân tộc thiểu số và việc bảo vệ môi trường trong sử dụng tài nguyên rừng, đất đai...; kết hợp giữa các biến độc lập với các biến phụ thuộc, tìm và xác định các mối quan hệ thông qua hàm toán Pearson, đánh giá xu hướng mà không lệ thuộc vào các chỉ số tỷ lệ mang ý nghĩa thống kê một cách máy móc... là những bài thực hành hữu ích mà cho đến nay theo chúng tôi vẫn nguyên giá trị đối với những ai làm Xã hội học một cách nghiêm túc theo hướng Nhân học xã hội - văn hóa cũng như các khoa học liên ngành.

Để triển khai các đợt điều tra, phỏng vấn bằng phiếu hỏi, do điều kiện không cho phép các chuyên gia Liên Xô khi đó xuống đến bản, làng hay các phum, sóc, nên việc gặp gỡ chỉ dừng ở các cấp lãnh đạo huyện, xã. Song, việc tập huấn điều tra viên gồm những sinh viên ở một số Trường đại học, Trung cấp Sư phạm Thái Nguyên, Trung cấp Y Lạng Sơn hay giáo viên bậc phổ thông tham gia ở các vùng miền đều do những chuyên gia trực tiếp thực hiện. Kỹ thuật thu thập dữ liệu thống kê thứ cấp tại các tỉnh, huyện, xã, thôn bản và danh sách người dân phục vụ cho chọn mẫu điều tra đều được chuyên gia toán tin chi dẫn cận kề cho cán bộ của phòng Xã hội học tộc người.

² Khi đó, ngành Xã hội học của Việt Nam, trong đó có Xã hội học tộc người đang ở bước đi ban đầu.

Kết quả điều tra của đề tài hợp tác từ tháng 12 năm 1980 đến tháng 3 năm 1983, gồm 3.267 phiếu điều tra trung cầu phản ánh tình hình kinh tế - xã hội của 6 dân tộc: Tày, Nùng, Thái, Mường, Chăm và Khơ-me, đại diện cho 4 vùng trọng điểm của đất nước là Tây Bắc, Đông Bắc, Trung Bộ và Tây Nam Bộ. Sau khi hoàn thành điều tra thực địa và bước đầu xử lý số liệu (tại Liên Xô cũ), chương trình hợp tác này bị dừng lại do quan hệ hợp tác ngưng trệ vào năm 1986. Việc xử lý bị dang dở, một số kết quả xử lý chỉ được in ra trên giấy, không mang về Việt Nam đầy đủ. Tuy nhiên, một số cán bộ của Viện Dân tộc học Việt Nam đã tiếp cận, sử dụng các kết quả điều tra để viết luận án Phó tiến sĩ ở Liên Xô (La Công Ý, Đỗ Thúy Bình) và đăng tải các bài viết trên Tạp chí Dân tộc học (Nguyễn Văn Huy, Nguyễn Văn Dự, Đặng Thanh Phương). Phải đến năm 2013, sau 30 năm do phòng Xã hội học tộc người lưu giữ, số phiếu đó mới được xử lý và phân tích bước đầu ở dạng đề tài cấp Bộ của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Bộ dữ liệu đồ sộ của cuộc điều tra về sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của 6 dân tộc ở Việt Nam trước Đổi mới này đã được xử lý bằng phần mềm SPSS và được công bố (Trần Văn Hà, Nguyễn Thị Thanh Bình, 2016).

4. DẤU ẤN TRONG CƠ CẤU TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU VÀ CÁC HƯỚNG NGHIÊN CỨU CHÍNH CỦA VIỆN DÂN TỘC HỌC

Khi mới thành lập (1968), Viện Dân tộc học chỉ có 20 cán bộ, gồm 17 cán bộ nghiên cứu làm việc trong 2 tổ là Tổ Miền núi miền Bắc, Tổ Việt - Mường và 3 nhân viên hành chính, thư viện. Năm 1973, số cán bộ của Viện tăng lên thành 23 cán bộ, gồm 19 cán bộ nghiên cứu. Năm 1976, Viện Dân tộc học hình thành thêm các tổ/phòng mới: Nghiên cứu các dân tộc ở Bình - Trị - Thiên, Nghiên cứu các dân tộc Trường Sơn - Tây Nguyên. Đến năm 1978, Viện có 41 biên chế, số cán bộ nghiên cứu tăng lên con số 33 người, lúc này có thêm 2 phòng nghiên cứu liên ngành là Xã hội học tộc người và Dân số học tộc người. Năm 1988, biên chế Viện Dân tộc học đông nhất lên tới 60 người, gồm các phòng nghiên cứu: Dân tộc học người Việt, Các dân tộc Trường Sơn - Tây Nguyên, Xã hội học tộc người, Dân số học tộc người, Các dân tộc miền núi phía Bắc, Di sản văn hóa, Dân tộc học nước ngoài, Lý luận dân tộc học, Các dân tộc ven biển miền Trung và Đồng bằng sông Cửu Long. Có thể nói, từ năm 1968 tới năm 2011, cơ cấu tổ chức và cách tổ chức nghiên cứu của Viện chủ yếu dựa trên phân vùng lãnh thổ địa lý hoặc nhóm ngôn ngữ của tộc người, kết hợp với một số phòng nghiên cứu và kỹ thuật khác như: phòng Kỹ thuật hiện vật (sau đổi thành Phòng Bảo tàng Dân tộc học), Phòng Bản đồ dân tộc học và địa lý học tộc người (sau đổi thành Trung tâm Sinh thái - Dân số học tộc người), Phòng Dân tộc học nước ngoài, Phòng Xã hội học tộc người, Phòng Di sản văn hóa các dân tộc. Về cơ bản, cơ cấu tổ chức nghiên cứu này là sự ảnh hưởng cách phân chia các phòng ban nghiên cứu các tộc người theo khu vực địa lý của Viện Dân tộc học Liên Xô và các bộ môn khoa học chính trong Dân tộc học Xô-viết.

Ngay từ khi được thành lập năm 1968 cho đến năm 1979, công tác trọng tâm của Viện Dân tộc học là xác minh thành phần các dân tộc (Viện Dân tộc học, 1998, tr. 22). Đây cũng là nhiệm vụ trọng yếu của Dân tộc học Mác-xít, nhất là Liên Xô và Trung Quốc - những

quốc gia có nhiều thành phần dân tộc. Theo quan điểm của Dân tộc học Mác-xít, làm tốt công tác xác minh thành phần dân tộc không những xác định được rõ số lượng các dân tộc mà còn làm sáng rõ những vấn đề về nguồn gốc lịch sử, những đặc điểm sinh hoạt văn hóa, quá trình hình thành tộc người cũng như mối quan hệ giữa các dân tộc. Từ đó làm cơ sở cho việc thực hiện các chính sách dân tộc và mở rộng công tác nghiên cứu Dân tộc học về sau này (Bế Viết Đăng, 2006, tr. 121). Trong quá trình xác định thành phần dân tộc, các nhà nghiên cứu cũng đã tiến hành miêu tả về các dân tộc, các quan hệ dân tộc, qua đó phản ánh đặc điểm lịch sử, đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của các dân tộc (Bế Viết Đăng, 1989).

Ngoài công tác xác định thành phần dân tộc, từ những năm 1970 đến đầu năm 1990, các nhà nghiên cứu của Viện Dân tộc học tập trung chủ yếu vào các vấn đề: Nghiên cứu lịch sử tộc người, từ nguồn gốc đến quá trình di cư, những giai đoạn chủ yếu của lịch sử hình thành từng tộc người; nghiên cứu đặc điểm kinh tế - xã hội và văn hóa các dân tộc; những biến đổi đời sống các dân tộc trong quá trình xây dựng xã hội chủ nghĩa. Đây cũng chính là các hướng nghiên cứu mà Dân tộc học Xô-viết thời đó quan tâm.

Hướng nghiên cứu chính của các cán bộ nghiên cứu của Viện Dân tộc học Việt Nam được đào tạo tại Liên Xô cũng không nằm ngoài những vấn đề trên. Tuy nhiên, ngoài những công trình nghiên cứu chung, các khảo cứu về một số dân tộc, mỗi nhà khoa học thường có một mối quan tâm riêng, một chủ đề riêng để theo đuổi. Qua xem xét những công trình của các tác giả, có thể phân loại nhóm các tác giả theo những chủ đề sau:

+ Lịch sử tộc người, quá trình tộc người, quan hệ tộc người: Bế Viết Đăng, Không Diễn, Phạm Quang Hoan, Nguyễn Nam Tiến, Mạc Đường,...

+ Vấn đề kinh tế - xã hội nói chung: Bế Viết Đăng, Trần Mạnh Cát,...

+ Văn hoá dân gian, văn hóa tộc người, văn hóa truyền thống và biến đổi, văn hóa xã hội: Ngô Đức Thịnh, La Công Ý,...

+ Thiết chế xã hội, tổ chức xã hội và quan hệ xã hội: Bùi Xuân Đính, Lưu Hùng,...

+ Hôn nhân, gia đình, thân tộc: Phạm Quang Hoan, Ngô Thị Chính, Đỗ Thúy Bình,...

+ Dân số, sinh thái học và địa lý học tộc người: Không Diễn

+ Nhân chủng học tộc người: Vũ Thị Hồng

Về lý thuyết và phương pháp luận, GS. TS. Viện trưởng Bế Viết Đăng trong nhiều công trình đã khẳng định rằng: Dân tộc học Việt Nam dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa duy vật lịch sử là nguyên tắc của sự nghiệp nghiên cứu khoa học. Giáo sư cho rằng, những công trình của các nhà nghiên cứu dân tộc học nước ta cần tăng cường tính triết học và gắn với những vấn đề ứng dụng thực tiễn để phát triển các dân tộc thiểu số. Tổng quan các công trình nghiên cứu chung của Viện và của các nhà nghiên cứu đã và đang công tác tại Viện cho thấy lý thuyết tộc người có ảnh hưởng nhiều nhất trong các nghiên cứu của Viện, đặc biệt là trong công tác xác minh thành phần tộc người và những

nghiên cứu về quan hệ dân tộc ở Việt Nam.

Mạc Đường và Ngô Đức Thịnh là những người thể hiện rõ nét nhất việc áp dụng lý thuyết về các hình thái kinh tế - văn hóa và khu vực lịch sử dân tộc học, lý thuyết trung tâm và ngoại vi của Dân tộc học Xô-viết trong các nghiên cứu của mình (Mạc Đường, 1964; Ngô Đức Thịnh, 2007). Đặc biệt, Mạc Đường thông qua kinh nghiệm và học hỏi các nhà nghiên cứu Xô-viết như Tolxtov, Lê vin, Trêbôcxarov... luôn nhấn mạnh đến Dân tộc học Liên Xô và các ngành khoa học liên ngành mới (như Dân tộc học ngôn ngữ, Xã hội học tộc người, Địa lý học tộc người, Khảo cổ học tộc người...) cần được áp dụng vào nghiên cứu Dân tộc học Việt Nam.

Về phương pháp nghiên cứu, phương pháp cụ thể của Dân tộc học Việt Nam là điển đã dân tộc học (Bế Viết Đăng, 2006). Nếu như ở những năm cuối 1960 và đầu 1970, hầu như các công trình của Viện chủ yếu giới thiệu sơ lược về các dân tộc, sự phân bố các dân tộc theo cách truyền thống là miêu tả thực tế (Mạc Đường, 1964; Lã Văn Lô và Đặng Nghiêm Vạn, 1968; Đặng Nghiêm Vạn, 1972,...) thì sang những năm 1980, bên cạnh nghiên cứu miêu tả các dân tộc, còn có xu hướng nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu tổng thể kinh tế - xã hội các tộc người, các vùng miền với các vấn đề đương đại và những vấn đề phát triển tộc người theo vùng (Viện Dân tộc học, 1998, tr. 27). Đây chính là những thời điểm mà kinh nghiệm và hướng nghiên cứu của Viện Dân tộc học Liên Xô đã có sức lan tỏa đến các nhà dân tộc học Việt Nam. Đáng chú ý là, trong những năm 1970 và 1980, một số công trình nghiên cứu của các tác giả trong Viện đã áp dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành đối với các vấn đề dân tộc hiện đại - đương đại, như nghiên cứu về người Dao ở Ba Vì, Hà Tây (cũ) của Mạc Đường hay cấu trúc và biến đổi của quan hệ gia đình, đời sống văn hóa của các dân tộc Tày, Nùng cũng như các hiện tượng song ngữ Tày, Nùng - Việt của Nguyễn Văn Huy, Đỗ Thúy Bình, La Công Ý, Đặng Thanh Phương,... Đây chính là sự tiếp thu học thuật và phương pháp Dân tộc học Xô-viết.

Từ giữa những năm 1960, Dân tộc học Liên Xô đã hình thành 3 bộ môn khoa học tiếp cận liên đa ngành là: Địa lý học tộc người, Xã hội học tộc người và Tâm lý học tộc người. Đây được coi là các ngành khoa học trung gian hay nghiên cứu liên ngành giữa Dân tộc học với Địa lý học, giữa Dân tộc học và Xã hội học cũng như giữa Tâm lý học và Dân tộc học. Nói cách khác, Dân tộc học sử dụng các phương pháp của Xã hội học, Địa lý học, Tâm lý học để nghiên cứu tộc người trong bối cảnh hiện tại và dự báo xu hướng phát triển của tộc người hay quá trình tộc người. Hơn một thập kỷ sau các bộ môn khoa học này đã bắt đầu phát triển ở Việt Nam.

Nhận thức được tính thực tiễn, hiệu quả phục vụ thực tiễn, tính lô-gic dựa trên các khoa học kế cận làm cho những công trình miêu tả thu hẹp, tạo cho các hướng nghiên cứu lý thuyết và ứng dụng càng có vị trí đóng góp cho phát triển xã hội ở vùng dân tộc thiểu số, lãnh đạo Viện Dân tộc học Việt Nam rất đề cao vai trò của phương pháp định lượng trong nghiên cứu những biến đổi kinh tế, văn hóa, xã hội ở các tộc người. Sự kết hợp những tư liệu dân tộc học sưu tầm được theo phương pháp định tính truyền thống với các tư liệu xã hội học tộc

người mang tính định lượng đã đem lại những khả năng phân tích mới đối với các vấn đề nghiên cứu (Bé Viết Đăng, 1994; 1998, tr. 62). Đồng thời, đối với thế hệ các nhà nghiên cứu của Viện Dân tộc học Việt Nam tham gia chương trình hợp tác về điều tra xã hội học tộc người là những kinh nghiệm quý mà Dân tộc học Việt Nam tiếp thu từ Dân tộc học Xô-viết. Kiến thức đó có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy nghiên cứu hiệu quả, nhận diện khách quan những vấn đề đương đại của đời sống kinh tế - xã hội, văn hóa các tộc người ở Việt Nam (La Công Ý, 1994; Trần Văn Hà, 2003).

Nói đến di sản Dân tộc học Xô-viết, không thể không kể đến kho tư liệu dịch sang tiếng Việt từ tiếng Nga và sách tiếng Nga hiện vẫn được lưu giữ tại Viện Dân tộc học. Các bài viết đăng trên Tạp chí Dân tộc học Xô-viết liên quan đến các khoa học dân tộc học của các chuyên gia gạo cội Liên Xô như tôn giáo tín ngưỡng, văn hóa, quan điểm lý luận phương pháp của Dân tộc học Xô-viết và khoa học mới liên ngành... đều được Phòng Tư liệu - Thư viện chọn dịch bởi các cán bộ học tập, thực tập ở Liên Xô và tốt nghiệp cử nhân tiếng Nga trong nước. Một số tác phẩm lớn liên quan đến các quan điểm, lý thuyết như: Tộc người và Quá trình tộc người, Vùng văn hóa, Lãnh thổ tộc người và biên giới quốc gia, Khu vực lịch sử dân tộc học được tổng thuật hay dịch một phần... cho đến nay vẫn được khai thác và đánh giá một cách khách quan trong bối cảnh mới của các dân tộc ở Việt Nam.

5. Một vài nhận xét

Dân tộc học Xô-viết đã có ảnh hưởng đặc biệt sâu sắc tới quá trình xây dựng và phát triển của Viện Dân tộc học 50 năm qua (về cơ cấu tổ chức, hướng nghiên cứu của phòng và cá nhân, nhiệm vụ nghiên cứu trọng tâm). Cán bộ được đào tạo từ các trường đại học, viện nghiên cứu của Liên Xô đã có vai trò quan trọng trong quản lý, nghiên cứu và đào tạo tại Viện Dân tộc học trong suốt nửa thế kỷ qua. Về lý thuyết và phương pháp, tuy những công trình nghiên cứu chuyên sâu ít bàn luận tới các khái niệm, cách tiếp cận của Dân tộc học Xô-viết nhưng những công trình nghiên cứu của Viện Dân tộc học trong mấy thập kỷ qua luôn cho thấy có sự tiếp thu, kế thừa phương pháp luận và điền dã dân tộc học của nền Dân tộc học này.

Lý thuyết tộc người của Dân tộc học Xô-viết được áp dụng rộng rãi trong các nghiên cứu của Viện, một số lý thuyết tiêu biểu khác được các nhà Dân tộc học Việt Nam tiếp thu và ứng dụng vào nghiên cứu thực tiễn về tộc người nước ta. Cơ sở lý luận, quan điểm, lý thuyết chuyên sâu và phương pháp của Dân tộc học Xô-viết đã và luôn có những đóng góp vào các thành quả nghiên cứu cơ bản đối với dân tộc học nước nhà; đồng thời phục vụ các nhiệm vụ chính trị, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước.

Dấu ấn của Dân tộc học Xô-viết ở Viện Dân tộc học không chỉ ở nguồn nhân lực, quan điểm tiếp cận lịch sử và tổng hợp, phương pháp nghiên cứu, nhận diện ý thức tự giác dân tộc/tộc người trong ý thức cộng đồng chung của quốc gia, quan hệ dân tộc... hiện nay của vấn đề đó trong mối liên hệ với quá khứ, mà còn là quan điểm dự báo về những vấn đề liên quan đến dân tộc và quá trình tộc người trong bối cảnh mới. Cho dù hiện tại không ít người còn suy nghĩ rằng, Dân tộc học Xô-viết không thể so sánh được với các các dòng lý thuyết

của Dân tộc học/Nhân học Tây phương, song ảnh hưởng của Dân tộc học Xô-viết là một phần quan trọng trong lịch sử phát triển 50 năm của Viện Dân tộc học; là nhân tố luôn thúc đẩy sự hội nhập và phát triển của các thế hệ cán bộ Viện Dân tộc học với Dân tộc học/Nhân học thế giới trước đây, hiện nay và sau này.

Tài liệu tham khảo

1. Phan Hữu Dật (2003), “Về mối quan hệ giữa dân tộc học và nhân học”, trong: Khổng Diễn, Bùi Minh Đạo chủ biên (2003), *Dân tộc học Việt Nam thế kỷ XX và những năm đầu thế kỷ XXI*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 73-79.
2. Khổng Diễn (1995), *Dân số và dân số tộc người ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Khổng Diễn, Bùi Minh Đạo chủ biên (2003), *Dân tộc học Việt Nam Thế kỷ XX và những năm đầu Thế kỷ XXI*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Bé Viêt Đăng (2006), *Dân tộc học Việt Nam, định hướng và thành tựu nghiên cứu (1973 - 1998)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Bé Viêt Đăng (1989), “Nhìn lại 20 năm nghiên cứu của Viện Dân tộc học”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 9-13.
6. Bé Viêt Đăng (1994), “Công tác nghiên cứu dân tộc học trong những năm qua và nhiệm vụ nghiên cứu trong những năm tới”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 3-7.
7. Mạc Đường (1964), *Các dân tộc miền núi Bắc Trung Bộ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Ngô Đức Thịnh (2007), “Lý thuyết trung tâm và ngoại vi trong nghiên cứu không gian văn hóa”, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, Số 1.
9. Trần Văn Hà (2003), “Một vài suy nghĩ về mở rộng đối tượng và phương pháp nghiên cứu xã hội học tộc người trong thời gian tới”, trong: Khổng Diễn, Bùi Minh Đạo chủ biên (2003), *Dân tộc học Việt Nam Thế kỷ XX và những năm đầu Thế kỷ XXI*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Trần Văn Hà - Nguyễn Thị Thanh Bình đồng chủ biên (2016), *Phân tích kết quả điều tra kinh tế - xã hội và văn hóa ở các dân tộc Tày, Nùng, Thái, Mường, Chăm và Kơ-me (1980 - 1983)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Đặng Nghiêm Vạn và cộng sự (1972), *Những nhóm dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Á ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Viện Dân tộc học (1998), *30 năm Viện Dân tộc học xây dựng và phát triển (1968 - 1998)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
13. La Công Ý (1994), “Nghiên cứu Xã hội học tộc người và những vấn đề hiện nay cần tiếp cận”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 48-50.